

Mgày soạn: 5/4/2026

Tiết: 69

BÀI ÔN TẬP CUỐI KỲ 2 (Bộ Kết nối tri thức)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Về mục tiêu:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ II lớp 12; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

+ *Tự chủ và tự học*: bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

+ *Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ *Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những vấn đề về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật, bình đẳng giới, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế

Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình

Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế

Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy
- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm
- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong học kỳ 2

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhANH tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 8 đến bài số 16

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhANH tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm
- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày
- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 2

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

- HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 8 đến bài 16

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế

Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người

khác

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình

Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an

sinh xã hội

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế

Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau

- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.

- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể

- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

- GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

- Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Câu 1: Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong học tập?

A. Đăng ký học nâng cao trình độ.

B. Học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

C. Thực hiện tốt chương trình giáo dục.

D. Thực hiện đăng ký học trái tuyến.

Câu 2: Một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

A. học chương trình chuyên biệt.

B. miễn học phí toàn phần.

C. ưu tiên chọn trường học.

D. bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

A. hưởng tất cả ưu đãi

B. cộng điểm khu vực

C. miễn, giảm học phí

D. học từ thấp đến cao

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

A. bảo mật chương trình học.

B. ưu tiên trong tuyển sinh.

C. thử nghiệm giáo dục quốc tế.

D. học bất cứ ngành nghề nào.

Câu 5: Trong kì xét tuyển đại học, cao đẳng bạn A đã lựa chọn đăng kí xét tuyển vào ngành kế toán Học viện Ngân hàng vì đã từ lâu A mơ ước trở thành kế toán. Việc làm này thể hiện nội dung nào dưới đây trong thực hiện quyền học tập của A?

A. Học không hạn chế.

B. Bình đẳng về cơ hội học tập.

C. Học thường xuyên, học suốt đời.

D. Học bất cứ ngành nghề nào.

Câu 6: Học thường xuyên, học suốt đời nghĩa là mọi công dân được học bằng

A. các phương tiện hiện đại.

B. những cách thức thống nhất,

C. tất cả giáo trình nâng cao.

D. nhiều hình thức khác nhau.

- Câu 7:** Anh P đang theo học ở trường Đại học Y Hà Nội nhưng muốn học thêm một chuyên ngành khác để bổ trợ chuyên môn cho mình nên anh P đã chọn học văn bằng 2 ở một trường Cao đẳng về ngành Dược sỹ. D đã được hưởng quyền nào dưới đây của công dân?
- A. Quyền lao động thường xuyên, liên tục. B. Quyền được phát triển toàn diện.
C. Quyền học thường xuyên, học suốt đời. D. Quyền tự do học tập.
- Câu 8:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nội dung quyền học không hạn chế của công dân?
- A. Học khi được chỉ định, B. Học từ thấp đến cao.
C. Học thay người đại diện. D. Học theo sự ủy quyền.
- Câu 9:** Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được
- A. học không hạn chế B. hưởng mọi ưu đãi
C. miễn, giảm học phí D. cộng điểm khu vực
- Câu 10:** Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được
- A. hưởng tất cả chế độ ưu đãi. B. thay đổi đồng bộ chương trình giáo dục.
C. điều chỉnh phương thức đào tạo. D. lựa chọn loại hình trường lớp.
- Câu 11:** Theo quy định của pháp luật, trong việc bảo đảm an sinh xã hội, mọi công dân đều được tạo điều kiện để
- A. miễn phí dịch vụ. B. hưởng mọi phụ cấp.
C. trợ cấp ưu đãi. D. tìm kiếm việc làm.
- Câu 12:** Trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, công dân có quyền được
- A. xúc phạm cán bộ y tế. B. miễn phí mọi dịch vụ.
C. làm những gì mình thích. D. đối xử bình đẳng.
- Câu 13:** Theo quy định của pháp luật, trong việc bảo đảm an sinh xã hội, mọi công dân đều được tạo điều kiện để
- A. hỗ trợ một dịch vụ xã hội. B. hưởng mọi dịch vụ xã hội.
C. đáp ứng các dịch vụ xã hội. D. tiếp cận các dịch vụ xã hội.
- Câu 14:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội của công dân?
- A. Bảo đảm nhu cầu sinh hoạt. B. Tiếp cận các thông tin y tế.
C. Hỗ trợ việc làm, thu nhập. D. Hưởng các trợ cấp xã hội.
- Câu 15:** Việc người lao động tham gia và được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định là đã thực hiện quyền của công dân ở nội dung nào dưới đây?
- A. Kinh doanh và đóng thuế. B. Chăm sóc bảo vệ sức khỏe.
C. Học tập thường xuyên D. Bảo đảm an sinh xã hội.
- Câu 16:** Theo quy định của pháp luật, công dân có quyền về bảo vệ di sản văn hoá trong trường hợp nào dưới đây?
- A. Che giấu địa điểm phát hiện bảo vật quốc gia.
B. Xử lý hành vi vi phạm về bảo vệ giá trị văn hoá.
C. Tạo điều kiện làm sai lệch các di sản văn hoá.
D. Nghiên cứu các di sản văn hoá của đất nước.
- Câu 17:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?
- A. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. B. Chiếm lĩnh kiến thức khoa học kỹ thuật.
C. Tham gia truyền đạo trái phép. D. Nâng cao trình độ học vấn.
- Câu 18:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?
- A. Bảo vệ giá trị di sản. B. Tiếp cận giá trị di sản.
C. Nghiên cứu giá trị di sản. D. Chuyển giao chủ sở hữu.
- Câu 19:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?

A. Tố cáo hành vi phá hoại di tích.

C. Phục chế trò chơi dân gian.

B. Tuyên truyền bảo vệ di tích.

D. Nghiên cứu loại hình nghệ thuật.

Câu 20: Khi phát hiện hành vi xâm phạm di sản văn hóa trái pháp luật, việc làm nào dưới đây là phù hợp với nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Tố cáo với cơ quan chức năng.

C. Tham gia hỗ trợ để hưởng lợi.

B. Hợp tác để cùng thu lợi nhuận.

D. Yêu cầu chuyển quyền sở hữu.

Câu 21: Sao chép trái phép các di sản văn hóa vì mục đích vụ lợi là **không** thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?

A. Trách nhiệm pháp lý.

C. Quyền.

B. Nghĩa vụ.

D. Trách nhiệm kinh tế.

Câu 22: Một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế là nguyên tắc

A. dẫn đe vũ trang để giải quyết xung đột.

C. dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế.

B. giải quyết bất đồng thông qua vũ trang.

D. cấm dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Câu 23: Mọi quốc gia có nghĩa vụ thực hiện với sự thiện chí các nghĩa vụ của mình phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc, theo những nguyên tắc và quy phạm được luật quốc tế thừa nhận chung và trong những thỏa thuận có hiệu lực theo những nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế là thực hiện theo nguyên tắc

A. bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

B. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

D. tân tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế.

Câu 24: Trong quan hệ quốc tế, để giải quyết các vấn đề toàn cầu, các quốc gia có nghĩa vụ

A. hợp tác với các quốc gia khác.

C. can thiệp vào công việc của nước khác.

B. sử dụng mọi biện pháp bạo lực.

D. xâm phạm quyền tự quyết của dân tộc.

Câu 25: Tất cả các dân tộc có quyền tự do quyết định chế độ chính trị và theo đuổi sự phát triển về kinh tế, xã hội và văn hoá của mình mà không có bất kì sự can thiệp nào từ bên ngoài là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác.

C. Quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc.

B. Tân tâm, thiện chí thực hiện cam kết.

D. Bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

Câu 26: Chủ thể nào dưới đây **không** phải là đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế?

A. Tổ chức Thương mại Thế giới.

C. Tổ chức Y tế Thế giới.

B. Mặt trận nhân dân giải phóng Palestine.

D. Mạng xã hội toàn cầu Facebook.

Câu 27: Yếu tố nào dưới đây **không** phải là bộ phận của lãnh thổ quốc gia?

A. Vùng trời.

C. các nước có tiềm lực lớn.

B. Vùng vũ trụ.

C. Vùng nước.

D. Vùng đất.

Câu 28: Lãnh thổ quốc gia được giới hạn bởi

A. đường biên giới quốc gia.

C. các nước có tiềm lực lớn.

B. đường giới tuyến quốc gia.

D. ý chí của nhà lãnh đạo.

Câu 29: Tổng hợp những người sinh sống, cư trú trên lãnh thổ của quốc gia, chịu sự quản lý bằng pháp luật của nhà nước ở quốc gia đó được gọi là

A. dân cư địa phương.

C. dân số thổ cư.

B. dân cư quốc gia.

D. dân số nội địa.

Câu 30: Người nước ngoài được hưởng các ưu đãi mà ngay cả công dân nước sở tại cũng không được hưởng (được quy định tại các Công ước quốc tế về quan hệ ngoại giao và lãnh sự) thuộc chế độ ưu đãi nào dưới đây?

A. Chế độ đã ngộ tội huệ quốc.

C. Chế độ đãi ngộ đặc biệt.

B. Chế độ với người đa quốc tịch.

D. Chế độ đãi ngộ quốc gia.

Câu 31: Với lãnh thổ của mình, quốc gia có chủ quyền tuyệt đối, tối cao đối với lãnh thổ của mình, thực hiện quyền tài phán đối với người và tài sản trên lãnh thổ của mình là biểu hiện ở phương diện nào dưới đây?

- A. Tinh thần. B. Chính trị. C. Vật chất. D. Quyền lực.

Câu 32: Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc cơ bản của tổ chức thương mại thế giới WTO?

- A. Nguyên tắc thương mại bí mật. B. Nguyên tắc không phân biệt đối xử.
C. Nguyên tắc thương mại công bằng. D. Nguyên tắc mở cửa thị trường.

Câu 33: Đối tượng của hợp đồng thương mại phải là

- A. tiền kỹ thuật số. B. động sản. C. Việt Nam đồng. D. bất động sản.

Câu 34: Các nước thành viên **không** thông báo hoặc trả lời những thông tin cần thiết về mọi biện pháp có liên quan hoặc tác động đến việc thi hành các hiệp định thương mại quốc tế cho các nước khác và cho các cơ quan giám sát việc thực hiện các hiệp định thương mại đa phương của WTO là vi phạm nguyên tắc

- A. thương mại công bằng. B. minh bạch.
C. tự do thương mại. D. mở cửa thị trường.

Câu 35: Trong hoạt động hợp tác kinh tế của Tổ chức Thương mại Thế giới, nguyên tắc nào dưới đây gắn liền với chế độ đối xử tối huệ quốc?

- A. Cạnh tranh minh bạch. B. Không phân biệt đối xử.
C. Tự do hoá thương mại. D. Cạnh tranh công bằng.

Câu 36: Quy định các nước thành viên WTO phải cam kết xoá bỏ các rào cản trong thương mại quốc tế là nội dung của nguyên tắc nào dưới đây?

- A. Nguyên tắc minh bạch.
B. Nguyên tắc không phân biệt đối xử.
C. Nguyên tắc ưu đãi cho các nước đang phát triển.
D. Nguyên tắc mở cửa thị trường.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1. *Đọc đoạn thông tin sau:*

Năm 2001, Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1969 về Luật điều ước. Điều 26, Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế năm 1969 quy định nguyên tắc *Pacta sunt servand* quy định "mọi điều ước đã có hiệu lực đều ràng buộc các bên tham gia điều ước và phải được các bên thi hành với thiện ý". Nguyên tắc này đã được chuyển hoá vào quy định của Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005: "*Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuân thủ điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*" (Khoản 6 - Điều 3).

(*Nguồn: Vị trí của điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đặng Trung Hà - Vụ PLQT*)

- A. Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1969 về Luật điều ước là một trong những minh chứng thể hiện lập trường của Việt nam đối với việc nghiêm chỉnh tuân thủ điều ước quốc tế.
B. Việc này sẽ tạo ra mối quan hệ biện chứng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế.
C. Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam.
D. Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập không có giá trị pháp lý trong nước.

Câu 2. *Đánh giá Đúng – Sai cho các ý kiến dưới đây?*

- A. Pháp luật quốc tế do các quốc gia và các tổ chức quốc tế thoả thuận xây dựng nên.
B. Pháp luật quốc tế điều chỉnh các mối quan hệ giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.
C. Pháp luật quốc tế quy định cả các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa cá nhân, pháp nhân, tổ chức của các nước khác nhau.
D. Pháp luật quốc tế bao gồm chủ yếu là các điều ước quốc tế đa phương và song phương, ở phạm vi toàn cầu và khu vực

Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:

Tháng 7/1995, sau hành trình dài nỗ lực của cả hai phía Việt Nam và Hoa Kỳ, một sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt diễn ra. Đêm 11/7 (giờ Hoa Kỳ), Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Rạng sáng 12/7 (giờ Việt Nam), Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Quá khứ được gác lại, chương mới trong lịch sử hai nước mở ra. Nền tảng quan trọng cho phát triển quan hệ Đối tác toàn diện Việt Nam-Hoa Kỳ là sự khẳng định của hai bên về các nguyên tắc cơ bản, như tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, thể chế chính trị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

(Nguồn: <https://special.nhandan.vn/quan-he-hop-tac-viet-nam-va-hoa-ky/index.html>)

a. Việt Nam và Hoa Kỳ đã thực hiện đúng các nguyên tắc của pháp luật quốc tế khi phát triển quan hệ đối tác toàn diện.

b. Việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là kết quả của sự nỗ lực trong quá trình giải quyết sự bất đồng bằng hoà bình.

c. Việt Nam không cần bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ bởi món nợ xâm lược trong lịch sử.

d. Phát triển quan hệ đối tác toàn diện của Việt Nam và Hoa Kỳ là việc riêng của hai nước, không cần tuân thủ các nguyên tắc của pháp luật quốc tế.

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Sau khi kết thúc 2 tháng thử việc, ông V liên tục đưa ra nhiều lí do khác nhau để trì hoãn việc kí hợp đồng và đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông V cũng không đầu tư trang bị bảo hộ lao động cho các công nhân làm việc trong xưởng sản xuất để đảm bảo an toàn và sức khoẻ cho họ.

a. Ông V vừa vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an sinh xã hội.

b. Người lao động trong công ty của ông V có quyền khiếu nại tới cơ quan chức năng để yêu cầu ông V bồi thường thiệt hại.

c. Ông V chuyển trực tiếp số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tự đóng là phù hợp với quy định của pháp luật.

d. Ông V chưa thực hiện đúng trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm từ thiện của doanh nghiệp.

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau:

Các di sản văn hoá đã được đặt dưới sự bảo hộ của Luật Di sản văn hoá và các công ước của UNESCO mà Việt Nam đã tham gia. Trong số gần 4 triệu hiện vật đang lưu giữ trong các bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập và các bộ, tập tư nhân có 238 hiện vật và nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia. Từ năm 2015 – 2022, đã có 131 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và 1 507 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú. Luật Di sản văn hoá cho phép tư nhân/ chủ sở hữu sưu tập hiện vật xây dựng bảo tàng ngoài công lập, tư nhân hiến tặng cổ vật cho các bảo tàng công lập. Nhà nước đã đầu tư những khoản ngân sách khá lớn cho mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá. Ngoài ra, phải kể tới hàng nghìn tỉ đồng được huy động từ sự tự nguyện đóng góp của cộng đồng cư dân các địa phương cũng như vốn hỗ trợ từ UNESCO.

a. Quyền của công dân về bảo vệ di sản văn hoá thể hiện ở việc 238 hiện vật và nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia.

b. Việc phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và danh hiệu Nghệ nhân ưu tú nằm ngoài lĩnh vực về bảo vệ di sản văn hoá.

c. Pháp luật cho phép tư nhân sưu tập hiện vật xây dựng bảo tàng ngoài công lập là để tạo cơ hội cho người dân được tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản văn hoá.

d. Pháp luật quy định cộng đồng cư dân các địa phương có nghĩa vụ tự nguyện đóng góp hàng nghìn tỉ đồng cho mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra
- Hình thức kiểm tra
- Thời gian kiểm tra
- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm

Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh và nộp thuế

Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người

khác

Bài 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình

Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an

sinh xã hội

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ công dân trong về bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài

nguyên thiên nhiên

Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế

Bài 15: Công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.

=====